TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 6 năm 2025
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Ngọc Tân;

2. Bà Nguyễn Thị Đoan.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông Vũ Minh Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXX-ST ngày 28/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2003

Nơi cư trú: Thôn Q, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình

- Bị đơn: Anh Đoàn Lương Đức M, sinh năm 2000

Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh M vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đoàn Lương Đức M tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã T và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 01/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 01/2024 đến nay mỗi người sống một nơi. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đoàn Lương Đức M không có con chung, hiện tại chị H cũng không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đoàn Lương Đức M vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Tại biên bản xác minh với ông Đoàn Văn Đ là bố đẻ của anh M thể hiện: Chị Nguyễn Thị H và anh Đoàn Lương Đức M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 01/11/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại gia đình ông Đ và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 01/2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình không nắm rõ, hiện chị H và anh M đã sống ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay mỗi người sống một nơi. Nay chị H có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị H và anh M không có con chung. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Hiện anh M đi lao động tự do không cố định địa chỉ, anh M thường xuyên liên lạc với gia đình. Gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh M và đã giao lại, thông báo cho anh M biết việc chị H xin ly hôn. Quan điểm của anh M là anh đồng ý ly hôn với chị H. Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, anh M đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

- Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn X, xã T; cán bộ tư pháp xã T, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Chị Nguyễn Thị H và anh Đoàn Lương Đức M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 01/11/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã T và lao động tự do. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay mỗi người sống một nơi. Nay chị H có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị H và anh M không có con chung. Về tài sản chung: Cơ sở không nắm rõ.

- Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải

nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đoàn Lương Đức M là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã T, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa… nhưng anh M vắng mặt không có lý do, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị H, anh M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 01/11/2023 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2024 đến nay không quan tâm đến nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc chị H đề nghị ly hôn nhưng anh M cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mỗi người sống một nơi. Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị được ly hôn anh M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đoàn Lương Đức M không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H, anh Đoàn Lương Đức M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đoàn Lương Đức M.

2. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đoàn Lương Đức M không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* chị H đã nộp theo Biên lai thu số 0002411 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Đoàn Lương Đức M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã T, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Minh Đức